

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 132

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt bò, cà rốt, hành tây, xà lách
búp, ngô gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt gà kho củ cải, nấm rơm, hành lá
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, ngô rí, hành lá
- Cải bó xôi luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bún gạo nấu sườn heo, mướp, đu
đu, cải thảo, hành lá, ngô rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	1,800	3,880	69,840
3	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,200	2,560	184,320
6	0120	Hành lá (hành hoa)	300	5,250	15,750
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	250	8,720	21,800
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
10	0645	Bánh phở khô	2,100	8,800	184,800
11	0286	Thịt bò loại II	1,400	37,280	521,920
12	0089	Cà rốt	600	5,570	33,420
13	0121	Hành tây	400	3,680	14,720
14	0172	Rau xà lách	400	5,990	23,960
15	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	150	6,510	9,765
16	N0772	Thịt ức gà	5,000	12,920	646,000
17	0103	Củ cải trắng	800	3,050	24,400
18	0211	Nấm rơm	500	14,180	70,900
19	0751	Khoai mỡ	4,000	5,040	201,600
20	0424	Tôm sú	1,500	36,540	548,100
21	N0779	Cải bó xôi	1,100	7,980	87,780
22	0653	Bún khô	2,100	5,720	120,120
23	0335	Sườn heo	1,250	25,940	324,250
24	0136	Mướp	500	4,200	21,000
25	0115	Đu đủ xanh	600	3,680	22,080

26	0191	Cải thảo	400	3,990	15,960
27	N0770	Thịt nạc băm	800	18,800	150,400
28	0457	Sữa bột toàn phần	3,866.61	20,500	792,655
29	0455	Sữa chua	6,600	9,440	623,040
Tổng cộng					4,884,000

Tổng tiền thực phẩm	4,884,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,884,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	54,057,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	54,057,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan